**PHỤ LỤC.**

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIẢM PHÁT THẢI KHÍ MÊ-TAN ĐẾN NĂM 2030  
*(kèm theo Quyết định số 569/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhiệm vụ** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian thực hiện** |
| **I. Giai đoạn đến năm 2025** | | | | |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch chi tiết giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 trong quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải. | Cục Biến đổi khí hậu | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố. | 2023 |
| 2 | Xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, hướng dẫn kỹ thuật về giảm phát thải khí mê-tan trong quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải. | Cục Biến đổi khí hậu | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố. | 2023-2025 |
| 3 | Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các- bon bao gồm giảm phát thải khí mê-tan. | Cục Biến đổi khí hậu | Các đơn vị trực thuộc Bộ. | 2023-2025 |
| 4 | Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn áp dụng phương pháp kiểm kê khí mê-tan trong lĩnh vực quản lý chất thải ở bậc cao nhất phù hợp điều kiện Việt Nam. | Cục Biến đổi khí hậu | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; Viện KH Tài nguyên nước; Viện KH Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; các đơn vị trực thuộc Bộ; cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành TN&MT. | 2023-2025 |
| 5 | Điều tra, khảo sát và xây dựng hệ số phát thải khí mê-tan đặc trưng quốc gia trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn. | Cục Biến đổi khí hậu | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; Viện KH Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; các đơn vị trực thuộc Bộ; cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành TN&MT. | 2023-2025 |
| 6 | Điều tra, khảo sát và xây dựng hệ số phát thải khí mê-tan đặc trưng quốc gia trong lĩnh vực xử lý và xả thải nước thải sinh hoạt. | Viện Khoa học Tài nguyên nước | Cục Biến đổi khí hậu; Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; Viện KH Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; các đơn vị trực thuộc Bộ; cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành TN&MT. | 2023-2025 |
| **II. Giai đoạn đến năm 2030** | | | | |
| 7 | Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các quy trình, quy định, hướng dẫn, mô hình thu gom, vận chuyển, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn. | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường | Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố. | 2023-2030 |
| 8 | Hướng dẫn và tổ chức thực hiện lựa chọn, áp dụng rộng rãi công nghệ xử lý chất thải rắn và nước thải tiên tiến, hiện đại. | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường | Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố. | 2023-2030 |
| 9 | Điều tra, đánh giá hiện trạng phát sinh chất thải rắn, các mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn đang triển khai tại các địa phương. | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường | Sở TN&MT các tỉnh, thành phố; các doanh nghiệp. | 2023-2030 |
| 10 | Tổ chức triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong trong quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải nhằm giảm phát sinh khí mê-tan. | Vụ Khoa học và Công nghệ | Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố. | 2023-2030 |
| 11 | Phổ biến, giới thiệu, hướng dẫn chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước trong quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải, thúc đẩy đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân trong việc giảm phát thải khí mê-tan. | Vụ Khoa học và Công nghệ | Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố. | 2023-2030 |
| 12 | Triển khai thu hút, vận động các chương trình, hoạt động hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ, đầu tư tài chính và tăng cường năng lực phục vụ giảm phát thải khí mê-tan. | Vụ Hợp tác quốc tế | Các đơn vị trực thuộc Bộ. | 2023-2030 |
| 13 | Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cho cộng đồng, doanh nghiệp về trách nhiệm, lợi ích của giảm phát thải khí mê-tan và huy động sự tham gia của cộng đồng đối với việc giám sát phát thải khí mê-tan và thực hiện cam kết của Việt Nam về giảm phát thải khí mê-tan. | Cục Biến đổi khí hậu | Trung tâm Truyền thông TN&MT; Báo TN&MT; Tạp chí TN&MT; các đơn vị khác trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố; cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành TN&MT; doanh nghiệp. | 2023-2030 |
| 14 | Triển khai các chương trình, hoạt động hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ, đầu tư tài chính và tăng cường năng lực phục vụ giảm phát thải khí mê-tan. | Cục Biến đổi khí hậu | Vụ Hợp tác quốc tế; các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố; cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành TN&MT; doanh nghiệp. | 2023-2030 |
| 15 | Tham gia ủng hộ các sáng kiến quốc tế có liên quan; vận động các quốc gia khác tham gia Cam kết giảm phát thải khí mê-tan toàn cầu. | Cục Biến đổi khí hậu | Vụ Hợp tác quốc tế; các đơn vị khác trực thuộc Bộ. | 2023-2030 |
| 16 | Đánh giá mức phát thải khí mê-tan hằng năm trong quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải; tổng hợp, đánh giá kết quả giảm phát thải khí mê-tan trên phạm vi toàn quốc. | Cục Biến đổi khí hậu | Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố; cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành TN&MT. | 2023-2030 |